

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 425/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24 -11- 2021.

“V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Liên** và ông **Phạm Tiến Lợi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện CM.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:
Bà **Triệu Thị Hồng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 185/2021/TLST-HNGĐ ngày 26/4/2021 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/7/2021, Thông báo hoãn phiên tòa số 06/2021/TB-TA ngày 30/7/2021, Quyết định hoãn phiên số 75/2021/QĐHPT-HNGĐ ngày 28/9/2021 và Thông báo thời gian mở phiên tòa ngày 08/11/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên Đơn: Chị **Nguyễn Thị H** – sinh năm 1977

ĐKHKTT: Số 12x, tổ x, khu CT, thị trấn XM, huyện C, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị H: Bà **Phạm Thị Phương T** – Luật sư Công ty Luật TNHH TĐ – Chi nhánh số 2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh QN.

2. Bị đơn: Anh **Đỗ Trọng Q** – sinh năm 1975

ĐKHKTT: Số 124, tổ 5, khu CT, thị trấn XM, huyện C, thành phố Hà Nội.

Có mặt: Chị H, luật sư T

Vắng mặt: Anh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2021, ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Trọng Q tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 23/12/1998 tại Ủy ban nhân dân thị trấn XM, huyện C, tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội), sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại khu CT, thị trấn XM, huyện C; trong thời gian chung sống với nhau, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về tình cảm do anh Q có nhiều mối quan hệ phức tạp bên ngoài. Từ năm 2008 vấn đề tình cảm vợ chồng càng phức tạp hơn, đã nhiều lần chị cũng có ý định ly hôn nhưng do các con còn nhỏ, cháu Đỗ VA lại bị tàn tật nên chị đã bỏ qua cho anh Q để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung, đồng thời hy vọng anh Q cũng có trách nhiệm hơn trong việc chăm sóc con chung.

Từ năm 2012 khi anh Q ra khỏi ngành Công an thì mâu thuẫn càng trầm trọng do anh Q thường xuyên bỏ nhà đi một thời gian dài, không quan tâm đến gia đình, vợ con; anh Q có quan hệ với người phụ nữ tên là Nguyễn Thị T (K) trước đây là chủ quán Cà phê ML ở xã TXT, huyện C, thành phố Hà Nội. Anh Q và chị T có một con trai khoảng 5, 6 tuổi. Chị đã nói chuyện với anh Q về vấn đề này nhưng sự việc vẫn không thay đổi.

Vợ chồng sống ly thân nhiều lần, sau đó anh Q về xin lỗi thì chị lại tha thứ, anh Q thường xuyên sinh sống ở HD cuối tuần mới về nhà. Lần cuối cùng vào khoảng tháng 10 năm 2020 khi chị phát hiện anh Q và chị T thuê nhà trọ ở HD chung sống với nhau, chị suy sụp, không tha thứ cho anh Q nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, tình trạng mâu thuẫn gia đình trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không thể đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 03 con chung là Đỗ Diễm Q1, sinh ngày 04/8/2000; Đỗ Gia L, sinh ngày 17/3/2007 và Đỗ VA, sinh ngày 12/12/2008. Hiện nay cháu Q1 đang đi học tại Trường Học viện NN I, không bị nhược điểm thể chất, tinh thần nên chị không yêu cầu giải quyết.

Khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Gia L và cháu VA vì từ nhỏ các cháu luôn sống cùng nhau, chị không muốn chia rẽ các cháu mà ảnh hưởng đến tình cảm chị em. Cháu Gia L là con gái, đang trong độ tuổi dậy thì và có nguyện vọng ở với chị. Cháu VA bị tàn tật từ nhỏ, từ khi sinh ra đến nay không đi lại, không nghe, nói được, nên việc chăm sóc cháu do chị và các chị

của cháu, ngoài ra chị còn phải thuê người giúp việc trong giờ hành chính để đảm bảo công việc đi làm của chị. Do cháu VA không có khả năng lao động nên được hưởng trợ cấp hàng tháng của địa phương. Anh Q thường xuyên đi xa nhà, không có nhiều thời gian dành cho các con.

Hiện nay anh Q đang cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2 triệu đồng/tháng, nếu chị được nuôi cả cháu Gia L, VA thì chị đề nghị anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con với số tiền là 3 triệu đồng/tháng/2 cháu. Trường hợp anh Q không đồng ý cấp dưỡng nuôi con thì chị cũng chấp nhận.

Hiện nay chị đang làm Thủ kho của Công ty cổ phần chăn nuôi CPVN (địa chỉ: thị trấn XM, huyện C, thành phố Hà Nội), thu nhập khoảng 20 triệu/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Tại Biên bản hòa giải ngày 31/5/2021, chị yêu cầu giải quyết số tiền vay nợ là 400 triệu đồng của những người thân quen, hàng xóm để lo việc riêng cho anh Q, nhưng sau đó ngày 18/6/2021 chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về số nợ này nữa.

*** Bị đơn – Anh Đỗ Trọng Q trình bày:** Anh nhất trí với lời trình bày của chị H về thời gian, điều kiện kết hôn. Anh chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì mâu thuẫn do chị H nghi ngờ anh chơi cờ bạc, nhưng không phải mà do anh đi làm xa, anh làm công nhân ở HD nên ít có thời gian dành cho gia đình, anh chỉ về nhà cuối tuần vào Thứ 7, Chủ nhật. Mối quan hệ của vợ chồng anh vẫn bình thường. Đến tháng 10 năm 2020 thì vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do chị H nghi ngờ anh chơi cờ, do thu nhập của anh thấp nên anh không đưa tiền cho chị H nuôi con được thì chị H lại nghĩ anh không lo cho gia đình, không có trách nhiệm với vợ con. Tình cảm của vợ chồng anh vẫn bình thường. không mâu thuẫn gì. Hai vợ chồng vẫn nói chuyện bình thường. Nay chị H làm đơn xin ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn do con chung còn nhỏ, cháu Đỗ VA lại bị tàn tật nên một mình chị H không thể chăm sóc được.

Việc chị H trình bày anh đang chung sống với chị T (tức K) và có con chung là không chính xác.

Về con chung: Anh và chị H có 03 con chung như chị H trình bày về họ tên, ngày, tháng, năm sinh của các cháu là chính xác.

Nếu ly hôn, quan điểm của anh là do cháu Q1 đã thành niên không đề nghị giải quyết; anh đề nghị được nuôi cháu Gia L, đồng ý để chị H nuôi cháu VA; anh không đồng ý để chị H nuôi cả 2 con chung. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu VA mỗi tháng với số tiền là 3 triệu đồng/tháng theo yêu cầu của chị H.

Hiện nay anh đang làm Kế toán Công ty chất đốt môi trường BL (địa chỉ: huyện CG, tỉnh HD), mức thu nhập khoảng 14 triệu/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Tại buổi hòa giải ngày 31/5/2021 Anh liệt kê tài sản chung và đề nghị giải quyết gồm: + 1 ngôi nhà 3 tầng, diện tích khoảng 220m² tại Số nhà 12x, tổ x, khu CT, thị trấn XM, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

+ 1 chiếc xe ô tô tải 5 tấn màu trắng hiệu ISUZU BKS 29C- 517.30 mua năm 2012 đăng ký xe mang tên Công ty vận tải du lịch HT.

+ 1 chiếc xe ô tô XpanDor 7 chỗ màu đen BKS 30G- 174.21 mua khoảng tháng 11 năm 2019, đăng kí xe mang tên Công ty Vận tải HT.

* Ngày 02/6/2021, Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ ban hành Quyết định về việc giao nộp chứng cứ số 01/TB-TA yêu cầu chị Nguyễn Thị H, anh Đỗ Trọng Q cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định. Ngày 05/6/2021, anh Đỗ Trọng Q nhận được Quyết định, nhưng không có văn bản gửi Tòa án. Ngày 14/6/2021, chị Nguyễn Thị H nhận được Quyết định, ngày 18/6/2021 chị H có văn bản không đề nghị giải quyết công nợ chung.

* Cháu Đỗ Gia L có nguyện vọng ở với mẹ là chị H.

* Cháu Đỗ VA bị tàn tật nên không trình bày được nguyện vọng.

Tại phiên tòa:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn trình bày: Đề nghị Tòa án căn cứ tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H, anh Q để giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Q. Để đảm bảo quyền lợi của phụ nữ, trẻ em và để ổn định cuộc sống, theo nguyện vọng của con chung, đề nghị giao cháu Gia L cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Còn cháu VA bị tàn tật từ nhỏ, không đi lại được, bị khuyết tật bẩm sinh nghe, nói và hiện đang do H chăm sóc nên tiếp tục giao cháu VA cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc. Buộc anh Q phải cấp dưỡng cho cháu VA với số tiền là 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 12/2021 cho đến khi cháu VA chết hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

- Nguyên đơn- chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đề nghị được nuôi cháu Đỗ Gia L và Đỗ VA sau khi ly hôn. Chị đồng ý việc anh Q cấp dưỡng cho cháu VA với số tiền là 3.000.000 đồng/tháng; chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng đối với cháu L. Về tài sản chung, công nợ chung: Đến nay, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ. Bị đơn không chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ.

+ Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho chị H được ly hôn anh Q. Về con chung: Đề nghị giao cháu Đỗ Gia L cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác; giao cháu Đỗ VA cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu VA chết hoặc khi có sự thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi cháu L. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Q cấp dưỡng nuôi cháu VA với số tiền là 3.000.000 đồng/tháng. Do cháu VA bị tàn tật, không có khả năng lao động nên buộc anh Q phải cấp dưỡng cho cháu VA kể từ tháng 12/2021 đến khi cháu VA chết hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị xem xét. Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện đối với anh Đỗ Trọng Q về việc xin ly hôn, nuôi con nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn – Anh Đỗ Trọng Q hiện có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thị trấn XM, huyện C, Thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của Bị đơn – Anh Đỗ Trọng Q: Anh Q đã được tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo mở phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Trọng Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/12/1998 tại Ủy ban nhân dân thị

trần XM, huyện CM, tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội), tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn giữa chị H và anh Q thì thấy: Chị H cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh Q có nhiều mối quan hệ phức tạp, thường xuyên vắng nhà, không có trách nhiệm nhiều với vợ con, vợ chồng không còn quan hệ tình cảm từ nhiều tháng nay. Anh Q cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2014 do chị H nghi ngờ anh chơi bời, không quan tâm vợ con; anh Q cho rằng không có điều kiện, thời gian chăm sóc gia đình, con chung là do phải làm việc tại HD, thu nhập bị giảm sút. Anh Q không đồng ý ly hôn cho rằng vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn lớn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, Tòa án đã kiên trì hòa giải, nhưng anh Q lại không đến hòa giải, khắc phục quan hệ hôn nhân, trong khi chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị H được ly hôn với anh Q là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2]. Về con chung: Chị H và anh Q có ba con chung là Đỗ Diễm Q1, sinh ngày 04/8/2000; Đỗ Gia L, sinh ngày 17/3/2007 và Đỗ VA, sinh ngày 12/12/2008. Cháu Đỗ Diễm Q1 đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất, tinh thần. Cả anh Q và chị H đều trình bày cháu VA bị tàn tật từ nhỏ, không đi lại được, bị khuyết tật bẩm sinh nghe, nói.

Xét nguyện vọng nuôi con chung sau khi ly hôn thì thấy: Chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Đỗ Gia L và cháu Đỗ VA. Anh Q có nguyện vọng nuôi cháu L, đồng ý để chị H nuôi cháu VA. Do cháu L có nguyện vọng ở với chị H và đang trong tuổi dậy thì nên cần có sự chăm sóc của chị H; chị H làm việc gần nhà, theo giờ hành chính, còn anh Q thường đi làm xa sẽ không có thời gian, điều kiện được như chị H. Do vậy để ổn định cuộc sống và theo nguyện vọng của con chung, giao cháu Gia L cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hợp lý. Còn cháu VA bị tàn tật từ nhỏ, không đi lại được, bị khuyết tật bẩm sinh nghe, nói và hiện đang do H chăm sóc nên tiếp tục giao cháu VA cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Đối với cháu Gia L, chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi cháu L; đối với cháu VA, bị tàn tật, không có khả năng lao động, hiện đang được trợ cấp hàng tháng, chị H đồng ý việc anh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu VA 3.000.000 đồng/tháng. Do vậy, ghi nhận sự tự

nguyên cấp dưỡng nuôi con chung của anh Q cho cháu VA là 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 12/2021 đến khi cháu VA chết hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Tại Biên bản hòa giải ngày 31/5/2021 chị H yêu cầu giải quyết về nợ chung; anh Q yêu cầu giải quyết về tài sản chung nhưng sau khi nhận Quyết định về việc giao nộp chứng cứ của Tòa án thì chị H không yêu cầu giải quyết về nợ chung nữa; còn anh Q không có ý kiến gì. Như vậy đã hết thời hạn quy định về việc giao nộp tài liệu giải quyết về tài sản chung, anh Q không đề nghị gì, coi như anh Q từ bỏ việc đề nghị giải quyết về tài sản chung; anh Q có quyền đề nghị giải quyết bằng một vụ án khác chia tài sản sau khi ly hôn. Trong vụ án này, do chị H, anh Q không đề nghị giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV là 300.000 đồng.

Anh Đỗ Trọng Q phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Đỗ Trọng Q.
2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Trọng Q có ba con chung là Đỗ Diễm Q1, sinh ngày 04/8/2000; Đỗ Gia L, sinh ngày 17/3/2007 và Đỗ VA, sinh ngày 12/12/2008.

Cháu Đỗ Diễm Q1 đã thành niên, không bị nhược điểm thể chất, tinh thần.

Giao cháu Đỗ Gia L cho chị Nguyễn Thị H được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác;

Giao cháu Đỗ VA cho chị Nguyễn Thị H được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu VA chết hoặc có sự thay đổi khác;

Anh Đỗ Trọng Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở;

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đỗ Trọng Q cấp dưỡng nuôi con chung cháu Đỗ VA 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 12/2021 cho đến khi cháu VA chết hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Đỗ Gia L.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q đối với cháu Đỗ Gia L cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; được trừ 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo “Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số AA/2020/0075065 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CH Mỹ ngày 23/4/2021.

Anh Đỗ Trọng Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND thị trấn XM (Số 90/1998);
- Lưu: Hồ sơ/V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai

